

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 837/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 02/06/2022
V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thiều Liên;

2. Bà Võ Phương Trang.

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Tuyết Mai – là thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 476/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021, về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Phan Thị Cẩm H, sinh năm:1977; thường trú: Xã Phước Đ, huyện Cần Đ, tỉnh L; tạm trú: 20/18/5 đường M, khu phố 1, phường B, quận B, Thành phố H.

Bà Phan Thị Cẩm H có đơn đề nghị vắng mặt.

2. Bị đơn: ông Phạm Ph Y, sinh năm:1977; thường trú: 20/8/15 Đường M, khu phố 1, phường B, quận B, Thành phố H.

Ông Phạm Ph Y vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản hòa giải cùng tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn bà Phan Thị Cẩm H trình bày: bà và ông Phạm Ph Y có thời gian quen biết và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2017 có đăng ký kết hôn theo

Giấy chứng nhận kết hôn số 107/2017 do Ủy ban nhân dân phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/6/2017.

Quá trình chung sống: bà và ông Phạm Ph Y chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông Phạm Ph Y chung sống lại với vợ cũ và con riêng, đuổi bà ra khỏi nhà từ năm 2020, từ đó dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bà và ông Phạm Ph Y sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Ph Y.

Về con chung: bà Phan Thị Cẩm H xác định không có.

Về tài sản chung: bà Phan Thị Cẩm H không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nợ chung: bà Phan Thị Cẩm H xác định không có.

Bị đơn ông Phạm Ph Y đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đề ông đến Tòa án giải quyết vụ kiện, nhưng ông Phạm Ph Y vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi cho Tòa án ý kiến trình bày của ông đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

- Bà Phan Thị Cẩm H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;
- Ông Phạm Ph Y vắng mặt không lý do;
- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh:

Về thủ tục tố tụng: Trong giai đoạn thụ lý và chuẩn bị xét xử, tòa án đã tiến hành đúng trình tự tố tụng quy định tại các Điều 196, 204, 205, 208, 209, 210 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về trình tự xét xử phiên tòa sơ thẩm; chưa đảm bảo thời hạn đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các văn bản tố tụng của Tòa án đều được tổng đạt cho đương sự theo đúng quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Các đương sự đều không nộp thêm chứng cứ cho Tòa án và không yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: bà Phan Thị Cẩm H và ông Phạm Ph Y có đăng ký kết hôn, bà Phan Thị Cẩm H yêu cầu ly hôn với ông Phạm Ph Y nên đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn có cư trú tại quận Bình Tân nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về thủ tục tố tụng: bị đơn ông Phạm Ph Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do; nguyên đơn bà Phan Thị Cẩm H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm a, điểm b Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 107/2017 do Ủy ban nhân dân phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/6/2017 cho bà Phan Thị Cẩm H và ông Phạm Ph Y cùng lời khai của bà Phan Thị Cẩm H về việc các đương sự tự nguyện kết hôn với nhau, nên có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà Phan Thị Cẩm H và ông Phạm Ph Y là hôn nhân hợp pháp.

Bị đơn ông Phạm Ph Y đã vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án mà không có lý do và cũng không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do vậy Tòa án căn cứ vào các chứng cứ và lời khai do nguyên đơn cung cấp để xem xét giải quyết vụ án.

Về quan hệ hôn nhân: bà Phan Thị Cẩm H và ông Phạm Ph Y chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông Phạm Ph Y chung sống lại với vợ cũ và con riêng, đuổi bà Phan Thị Cẩm H ra khỏi nhà từ năm 2020, từ đó dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bà Phan Thị Cẩm H và ông Phạm Ph Y sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Ông Phạm Ph Y vắng mặt tại tất cả những buổi làm việc, phiên hòa giải, công khai chứng cứ do Tòa án tiến hành và tại phiên tòa xét xử vụ án, mặc dù ông Phạm Ph Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để giải quyết vụ án, ông cũng không có ý kiến về việc bà Phan Thị Cẩm H yêu cầu ly hôn gửi đến Tòa án. Cho thấy, ông Phạm Ph Y không có thiện chí hàn gắn gia đình và không còn yêu thương, tôn trọng bà Phan Thị Cẩm H, không quan tâm đến hôn nhân của ông bà. Mặt khác, bà Phan Thị Cẩm H và ông Phạm Ph Y không chung sống với nhau đã lâu. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Phan Thị Cẩm H và ông Phạm Ph Y đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng như sau: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau” và Điều 56 quy định “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại

Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”. Như vậy, bà Phan Thị Cẩm H và ông Phạm Ph Y đã vi phạm quy định về tình nghĩa vợ chồng là không thương yêu, tôn trọng, quan tâm đến nhau.

Từ những nhận định nêu trên, căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị Cẩm H đối với ông Phạm Ph Y.

Về con chung: bà Phan Thị Cẩm H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: bà Phan Thị Cẩm H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: bà Phan Thị Cẩm H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên đã trình bày tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Phan Thị Cẩm H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Cẩm H về việc yêu cầu ly hôn với ông Phạm Ph Y.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: bà Phan Thị Cẩm H được ly hôn với ông Phạm Ph Y.

Giấy chứng nhận kết hôn số 107/2017 do Ủy ban nhân dân phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/6/2017 cấp cho bà

Phan Thị Cẩm H và ông Phạm Ph Y không còn giá trị kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: bà Phan Thị Cẩm H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

1.3. Về tài sản chung: bà Phan Thị Cẩm H không yêu cầu nên Tòa án giải quyết nên không xem xét.

1.4. Về nợ chung: bà Phan Thị Cẩm H xác định không có nên không xem xét.

2. Về án phí: án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà Phan Thị Cẩm H phải chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà bà Phan Thị Cẩm H đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0063501 ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, bà Phan Thị Cẩm H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Các đương sự thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. Bình Tân;
- Chi cục THADS Q. Bình Tân;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Nga